

CTY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *NY*./CBTT.2015

V/v: Công bố thông tin BCTC đã kiểm toán năm 2014 của CPC

Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

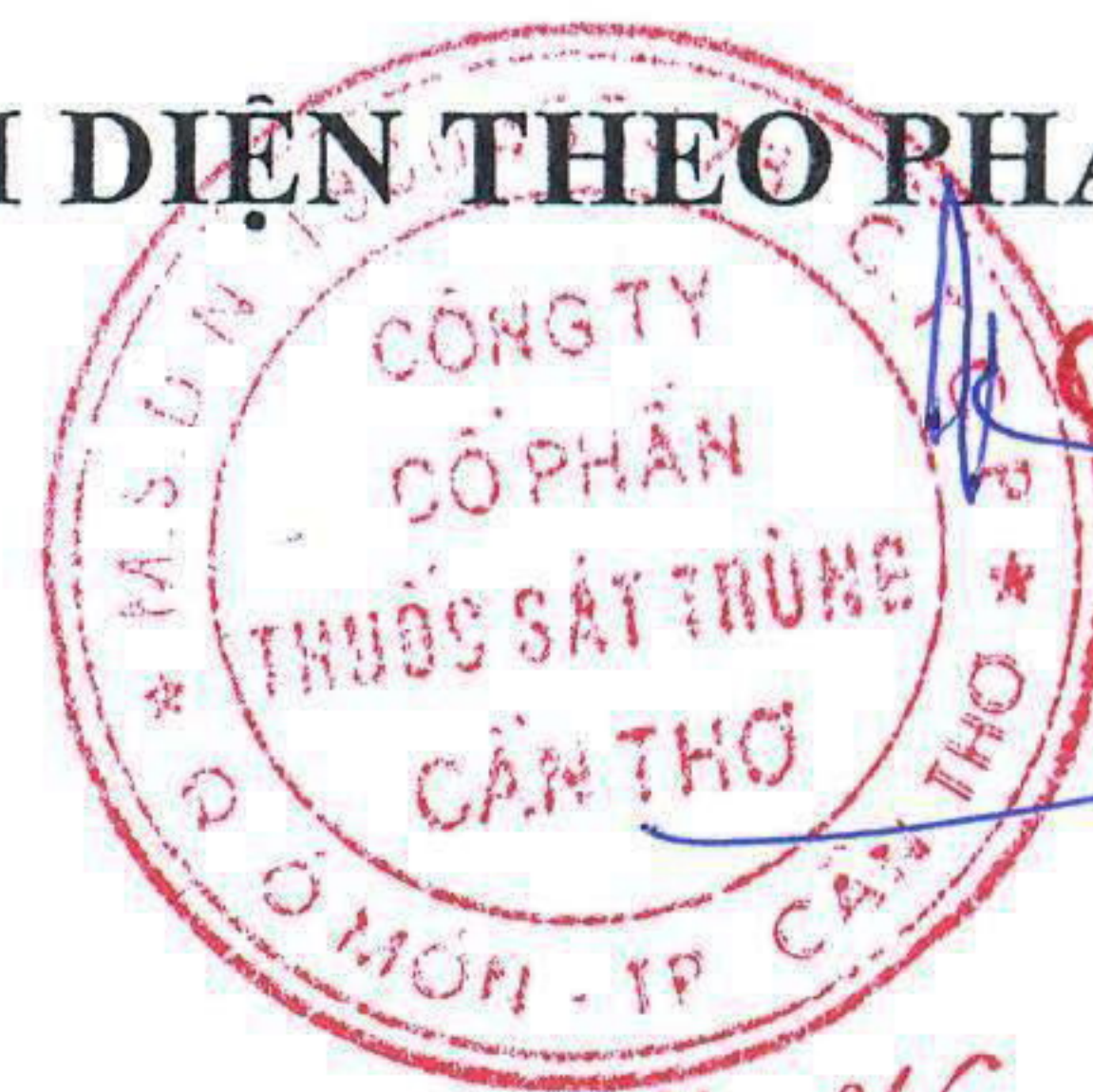
1. Tên công ty: CTCP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
2. Mã chứng khoán: CPC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Km 14 quốc lộ 91 phường Phước Thới quận Ô Môn thành phố Cần Thơ
4. Điện thoại: 07103 861770 Fax: 07103 861798
5. Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN VĂN TRUNG
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ được lập ngày 24 tháng 03 năm 2015 bao gồm BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Công văn giải trình về việc Lợi nhuận chênh lệch vượt 10% so với cùng kỳ năm trước
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:
www.tstcantho.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu:...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT KHIÊM TỐN

Nguyễn Văn Trung

Số: *M*./CBTT.2015

V/v: CPC giải trình việc LNTT cả năm
2014 giảm hơn 10% cùng kỳ

Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2015

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**CPC GIẢI TRÌNH CÁC NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN
LỢI NHUẬN THẤP HƠN 10% CÙNG KỲ**

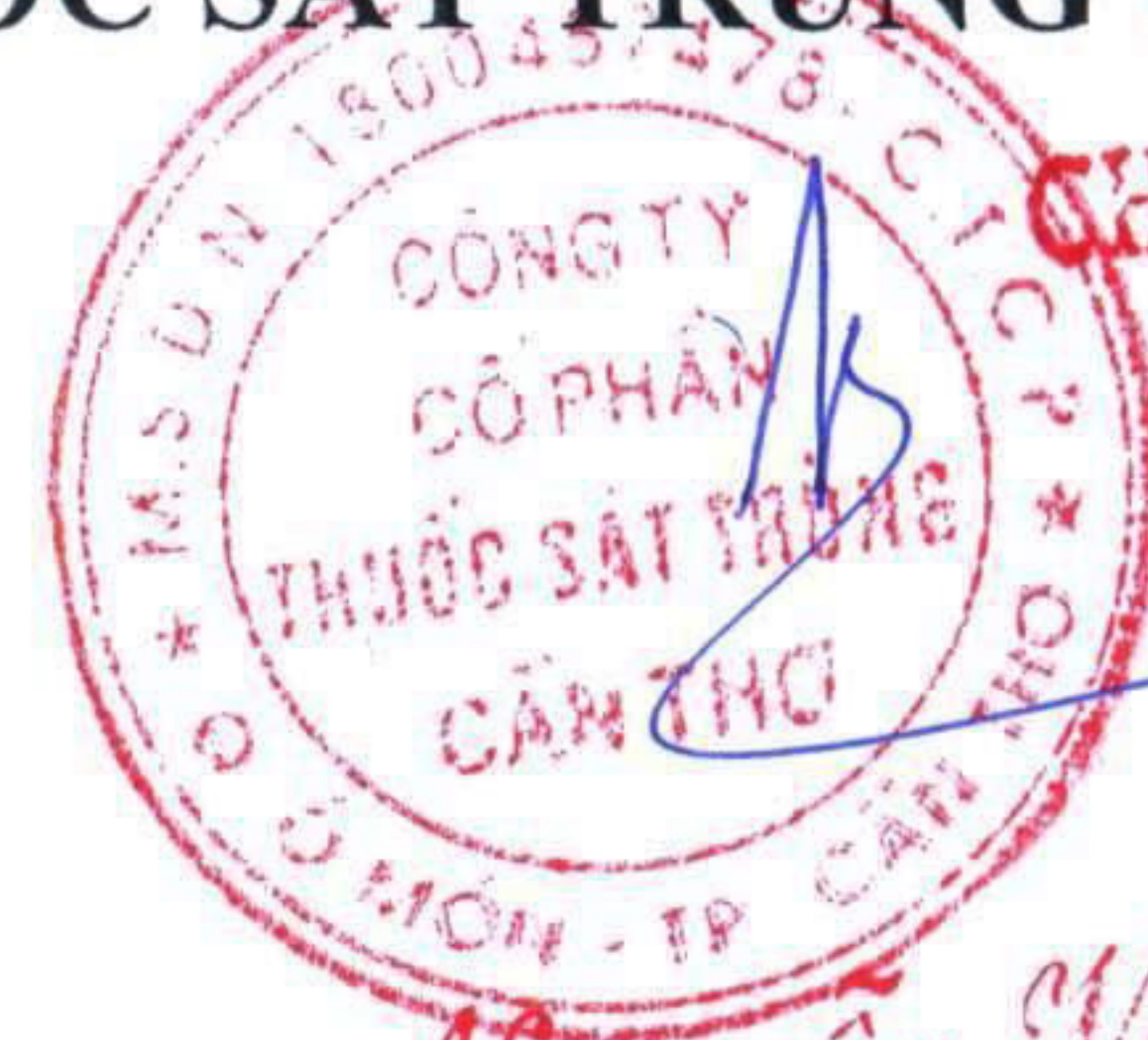
Lợi nhuận trước thuế của CPC cả năm 2014 đạt hơn 14,23 tỷ đồng nhưng lại giảm khoảng 17,15 % so với cùng kỳ năm 2013.

Nay CPC xin trình bày các lý do cơ bản làm giảm lợi nhuận như sau:

1. Tình hình cạnh tranh khốc liệt và thực tế tình hình sâu bệnh và dịch hại thời gian qua diễn biến khó lường nên công ty CPC đã phải chấp nhận giảm giá bán thành phẩm dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 9,43% so với cả năm 2013.
2. Do phải dự trữ nguyên liệu và thành phẩm ở mức cao để đáp ứng kịp thời cho tính thời vụ của sản xuất nông nghiệp năm 2014 nên chi phí tài chính đã tăng 42,15% so với năm 2013.

Trong tình hình cạnh tranh rất khốc liệt hiện nay, Công ty chúng tôi đã ra sức tiết kiệm chi phí và tận dụng mọi nguồn lực nên đã hoàn thành vượt mức cả 2 chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra cho năm 2014.

TM.CTY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ



CHỦ TỊCH HĐQT MIỆM TGD

Nguyễn Văn Trường



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC SẮT TRÙNG CÂN THƠ**

**Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán**

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày
31/12/2014*

SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVC SVC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 8
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25

3775
CÔNG
TẮC
TẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch HĐQT
- Ông: Bùi Anh Dũng	Thành viên
- Ông: Phan Đăng Trúc	Thành viên
- Ông: Võ Việt Thanh	Thành viên
- Ông: Phan Văn Mưa	Thành viên

Trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Nguyễn Văn Thái	Trưởng ban kiểm soát
- Ông: Dương Minh Thành	Thành viên
- Ông: Hồ Văn Hỷ	Thành viên

Trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc

Trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban Tổng giám đốc.

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Công ty đã làm thủ tục thành lập Chi nhánh Campuchia nhưng nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là đăng ký các tên thuốc và giữ hình thức hạch toán báo số về Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800457478 đăng ký lần đầu ngày 27/05/2002 và thay đổi lần thứ 7 ngày 18/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

6. Mã chứng khoán niêm yết tại HNX: CPC

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 25.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.002.609.310 VND
- Lợi nhuận khác	2.283.433.495 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.286.042.805 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.142.929.417 VND
- Lợi nhuận sau thuế	11.143.113.388 VND

Năm 2014, Công ty đã hết thời gian được ưu đãi miễn giảm thuế TNDN. Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho năm 2014 là 22%.

Doanh thu thuần năm 2014 tăng nhẹ so với năm 2013 số tiền 6.061.859.733 đồng, tương đương 2,98%. Tuy nhiên, doanh thu tăng nhưng lợi nhuận kế toán trước thuế lại sụt giảm 2.899.404.513 đồng, tương đương 16,87%. Nguyên nhân là do chi phí đầu vào năm 2014 tăng nhẹ làm cho giá thành sản xuất tăng, tỷ lệ lãi gộp giảm, đặc biệt là chi phí tài chính tăng 2.127.395.030 đồng, tương đương 52,25%. Trong đó, chủ yếu là khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá hối đoái năm 2014 tăng so với năm 2013.

Năm 2015, Công ty xác định vẫn còn trong giai đoạn kinh tế khó khăn và bất ổn. Trong tình hình cạnh tranh khốc liệt hiện nay, Công ty vẫn đang ra sức tiết kiệm chi phí, tận dụng mọi nguồn lực để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÀN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

11. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

12. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 24 tháng 5 năm 2015

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CẦN THƠ

NGUYỄN VĂN TRUNG



Số: 11/2015/SVCT - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ ("Công ty") được lập ngày 19 tháng 01 năm 2015 từ trang 6 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0325-2013-107-1
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ
Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Đặng Thị Thiên Nga
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2013-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.039.428.252	115.654.765.395
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	<i>V.1</i>	27.284.750.674	15.138.256.800
1. Tiền	111		2.284.750.674	1.638.256.800
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	13.500.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	<i>V.2</i>	29.512.481.767	41.086.695.163
1. Phải thu khách hàng	131		28.668.721.714	33.834.268.208
2. Trả trước cho người bán	132		1.585.207.000	1.796.727.875
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		258.553.053	6.455.699.080
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	<i>V.3</i>	42.226.668.202	58.936.583.718
1. Hàng tồn kho	141		42.226.668.202	58.936.583.718
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	<i>V.4</i>	1.015.527.609	493.229.714
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		127.136.085	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		888.391.544	493.229.714
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.058.748.357	17.016.487.046
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		12.798.191.846	13.701.081.552
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5</i>	12.221.966.754	12.905.820.970
- Nguyên giá	222		40.218.921.904	38.822.667.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.996.955.150)	(25.916.847.019)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6</i>	576.225.092	58.308.332
- Nguyên giá	228		924.913.300	345.680.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(348.688.208)	(287.372.468)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	736.952.250
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.260.556.511	3.315.405.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>V.7</i>	3.260.556.511	3.315.405.494
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.098.176.609	132.671.252.441

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.835.247.184	53.290.897.791
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		35.115.535.552	52.610.897.791
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	27.284.287.688	39.175.301.091
2. Phải trả người bán	312	V.9	1.578.548.382	2.566.525.617
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9	65.767.993	218.831.614
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.464.936.354	2.638.922.234
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.11	1.226.137.448	5.098.344.025
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	2.659.934.167	369.622.890
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		835.923.520	2.543.350.320
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		719.711.632	680.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	680.000.000	680.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		39.711.632	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.262.929.425	79.380.354.650
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.14	80.262.929.425	79.380.354.650
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.030.500.000	43.030.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.291.518.300	8.291.518.300
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		12.261.176.032	10.861.176.032
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.000.872.355)	(4.000.872.355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.303.050.000	4.303.050.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.377.557.448	16.894.982.673
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.098.176.609	132.671.252.441

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<u>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</u>	<i>Thuyết minh</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		3,785,77	1,511,23
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Duy Linh
Người lập

Quách Thị Thủy
Kế toán trưởng



Thư

Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 19 tháng 01 năm 2015





CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁI RỪNG LÀN 1 HỮU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Mẫu số : B 02 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh		Đơn vị tính: VND
		Quý IV năm 2014	Quý IV năm 2013	
			Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này 2014	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	62.584.055.806	63.966.479.814	205.991.745.033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	599.470.000	2.198.939.619	2.638.939.619
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	61.984.585.806	61.767.540.195	203.352.805.414
4. Giá vốn hàng bán	11	50.599.703.056	46.772.828.612	164.147.227.156
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	11.284.882.750	14.994.711.583	39.205.578.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.220.738.281	1.161.885.716	3.093.111.912
7. Chi phí tài chính	22	271.886.299	1.384.058.300	4.071.302.805
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	271.886.299	466.898.547	1.390.373.636
8. Chi phí bán hàng	24	2.858.433.134	3.132.038.323	10.799.112.555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.276.347.295	4.662.670.088	11.854.652.290
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	5.098.954.303	7.077.830.588	15.573.422.520
11. Thu nhập khác	31	174.688.212	752.642.785	1.644.500.573
12. Chi phí khác	32	109.436.392	32.005.671	32.475.775
13. Lợi nhuận khác	40	65.251.820	720.637.114	1.612.024.798
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.164.206.123	7.798.467.702	17.185.447.318
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.099.963.023	951.435.305	3.298.180.209
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.064.243.100	6.847.032.397	13.887.267.109
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	996	1.678	3.403


 Nguyễn Văn Trung
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 19 tháng 01 năm 2015


 Nguyễn Duy Linh
 Người lập


 Quách Thị Thủy
 Kế toán trưởng

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	225.194.903.749	199.779.880.434
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(168.364.588.035)	(195.176.699.232)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.408.338.986)	(12.945.695.179)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.930.775.800)	(1.390.373.636)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.937.670.844)	(2.591.709.340)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.408.039.860	8.717.901.719
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(21.120.307.018)	(20.223.750.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.841.262.926	(23.830.446.040)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.139.677.205)	(787.473.757)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	874.545.453	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	959.481.358	1.168.915.016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	694.349.606	381.441.259
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	124.093.712.745	124.813.146.206
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(134.970.430.003)	(105.419.449.499)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.034.304.100)	(8.667.650.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.911.021.358)	10.726.045.872
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.624.591.174	(12.722.958.909)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.138.256.800	25.261.282.335
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.521.902.700	2.599.933.374
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	27.284.750.674	15.138.256.800



Nguyễn Duy Linh
Người lập



Quách Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 19 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1462/QĐ – CT.UB ngày 26/04/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ) và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800457478 đăng ký lần đầu ngày 27/05/2002 và thay đổi lần thứ 7 ngày 18/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 43.030.500.000, tương ứng 4.303.050 phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 và theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty TNHH TMDV Thanh Sơn Hòa Nông	710.010	7.100.100.000	16,50%
- Cổ đông khác	3.593.040	35.930.400.000	83,50%
Cộng	4.303.050	43.030.500.000	100,00%

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2014 là 43.030.500.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Công ty đã làm thủ tục thành lập Chi nhánh Campuchia nhưng nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là đăng ký các tên thuốc và giữ hình thức hạch toán báo số về Công ty.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm 2014 được bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày báo cáo tài chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT - BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tuy nhiên, giá nhập kho của Công ty chỉ bao gồm giá mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối kỳ kế toán, Công ty không có hàng lỗi thời, chậm luân chuyển và kém, mất phẩm chất cần lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT – BTC ngày 25/04/2014 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 08 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 09 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 06 năm
- Thiết bị quản lý	03 năm

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không có số dư đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2014, không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÀN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí thực tế như: chi phí sửa chữa lớn, chi phí công cụ dụng cụ... đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

Tháng 9 năm 2008, Công ty tiến hành thuê đất và cơ sở hạ tầng của Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Càn Thơ để thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản". Tuy nhiên, đến nay, Dự án vẫn chưa được triển khai và cũng chưa có đơn xin gia hạn theo yêu cầu của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Càn Thơ tại Công văn số 320/BQL – ĐT ngày 02/11/2011. Tổng chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng của Dự án này tính đến thời điểm 31/12/2014 là 3.163.487.586 và đang được theo dõi ở khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn"

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương năm 2014 theo Thỏa ước lao động tập thể. Trong năm 2014, Công ty đã trích quỹ lương vào chi phí kinh doanh là 13.219.500.986.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế đã phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

11. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thế hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014, Công ty đã hết thời gian được ưu đãi miễn giảm thuế TNDN và thuế suất thuế TNDN được áp dụng là 22%.

12. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2014</u>		<u>01-01-2014</u>	
Tiền mặt	44.510.000		114.933.000	
Tiền gửi ngân hàng	2.240.240.674	(a)	1.523.323.800	
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	(b)	13.500.000.000	
Cộng	27.284.750.674		15.138.256.800	

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>USD</i>	<i>Tương đương</i>		<i>Tổng cộng</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Agribank, CN. Cần Thơ	-	-	792.200.217	792.200.217
- ABBank, CN. Cần Thơ	-	-	41.396.470	41.396.470
- Vietcombank, CN Cần Thơ	923,68	19.624.505	616.059.371	635.683.876
- HSBC, CN. Cần Thơ	-	-	69.522.396	69.522.396
- Sacombank, CN Cần Thơ	576,14	12.240.670	180.314.893	192.555.563
- Các ngân hàng khác	2285,95	48.567.292	460.314.860	508.882.152
Cộng	3.785,77	80.432.467	2.159.808.207	2.240.240.674

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2014 như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>USD</i>	<i>Tương đương</i>		<i>Tổng cộng</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Sacombank, CN. Cần Thơ	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
- Tien Phong Bank, CN. Cần Thơ	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
- HSBC, CN. Cần Thơ	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- VIB, CN. Cần Thơ	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Cộng	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2014</u>		<u>01-01-2014</u>	
Phải thu khách hàng	28.668.721.714	(c)	33.834.268.208	
Trả trước cho người bán	1.585.207.000	(d)	1.796.727.875	
Các khoản phải thu khác	258.553.053	(e)	6.455.699.080	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.000.000.000)	(c)	(1.000.000.000)	
Cộng	29.512.481.767		41.086.695.163	

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CÂN THỌ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Khách hàng</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Nợ khó đòi đã trích lập dự phòng</u>
- Công ty TNHH TMDV Hằng Duy	6.219.827.817	-
- Cửa hàng VTNN Võ Hoàng Dũng	1.167.991.729	-
- DNTN Quý Hằng	1.906.245.537	-
- Đại lý VTNN Phạm Trường Giang	3.674.613.513	-
- Đại lý VTNN Tích Thảo (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải thu khách hàng khác	14.700.043.118	-
Cộng	28.668.721.714	1.000.000.000

(*) Hiện nay, chủ Đại lý vật tư nông nghiệp Tích Thảo đã chết và khoản nợ này khó thu hồi đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Nhà cung cấp</u>	<u>Số tiền</u>
- Công ty TNHH SX – TM – DV Ngọc Thành	116.500.000
- Nguyễn Văn Giới (Chuyển nhượng QSDĐ)	1.400.820.000
- Trả trước nhà cung cấp khác	67.887.000
Cộng	1.585.207.000

(e) Chi tiết số dư trả các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Số tiền</u>
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	22.195.414
- Lê Chí Thanh	170.357.639
- Phải thu khác	66.000.000
Cộng	258.553.053

3. Hàng tồn kho

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2014</u>	<u>01-01-2014</u>
Nguyên vật liệu tồn kho	23.917.675.475 (f)	38.225.996.895
Thành phẩm tồn kho	18.301.518.132 (g)	15.091.684.439
Hàng hóa tồn kho	7.474.595 (h)	5.618.902.384
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	42.226.668.202	58.936.583.718

(f) Chi tiết số dư nguyên vật liệu tồn kho vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Nguyên vật liệu chính – Thuốc BVTV	18.507.478.071
- Nguyên vật liệu chính – Nhựa	216.882.235
- Nguyên vật liệu chính – Bao bì, nhân	5.193.315.169
Cộng	23.917.675.475

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(g) Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Thuốc bảo vệ thực vật do Công ty sản xuất	18.301.517.132
Cộng	18.301.517.132

(h) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Thuốc bảo vệ thực vật nhập mua từ Dupont	7.474.595
Cộng	7.474.595

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Giá trị hàng tồn kho đã dùng để thế chấp các khoản nợ phải trả: không có
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

4. Tài sản ngắn hạn khác

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2014</u>	<u>01-01-2014</u>
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	127.136.065 (i)	-
Tạm ứng	888.391.544	493.229.714
Cộng	1.015.527.609	493.229.714

(i) Chi tiết số dư thuế và các khoản phải thu Nhà nước vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	127.136.065
Cộng	127.136.065

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>01-01-2014</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>31-12-2014</u>
Nguyên giá	38.822.667.989	3.040.706.917	1.644.453.002	40.218.921.904
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.837.835.362	520.786.363	99.004.545	17.259.617.180
- Máy móc thiết bị	10.946.916.623	590.765.009	-	11.537.681.632
- Phương tiện vận tải	10.865.947.977	1.929.155.545	1.545.448.457	11.249.655.065
- Thiết bị quản lý	171.968.027	-	-	171.968.027
Hao mòn lũy kế	25.916.847.019	3.544.450.624	1.464.342.493	27.996.955.150
- Nhà cửa, vật kiến trúc	13.181.292.835	927.210.816	4.950.227	14.103.553.424
- Máy móc thiết bị	7.317.243.023	1.246.578.292	-	8.563.821.315
- Phương tiện vận tải	5.276.374.699	1.365.282.732	1.459.392.266	5.182.265.165
- Thiết bị quản lý	141.936.462	5.378.784	-	147.315.246
Giá trị còn lại	12.905.820.970			12.221.966.754
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3.656.542.527			3.156.063.756
- Máy móc thiết bị	3.629.673.600			2.973.860.317
- Phương tiện vận tải	5.589.573.278			6.067.389.900
- Thiết bị quản lý	30.031.565			24.652.781

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÂN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Giá trị của TSCĐ đã dùng để thế chấp cầm cố các khoản nợ vay: 12.221.966.754
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.818.359.619
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2014 chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2014 như sau:

	Số tiền
- Dây chuyền sản xuất thuốc bột	590.765.009
- Xe Ford Ranger 65C 03.725	585.367.272
- Xe Ford Ranger 65C 03.516	585.367.273
- Xe tải thùng kín hiệu Isuzu	683.718.000
- Các TSCĐ khác	595.489.363
Cộng	3.040.706.917

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2014 như sau:

	Số tiền
- Thanh lý xe Jac	182.807.619
- Thanh lý xe Ford Ranger	398.226.752
- Thanh lý xe Ford Ranger 65M 2975	400.439.920
- Thanh lý xe tải Hino	563.974.166
- Thanh lý nền đặt container	99.004.545
Cộng	1.644.453.002

6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	01-01-2014	Tăng	Giảm	31-12-2014
Nguyên giá	345.680.800	579.232.500	-	924.913.300
- Bản quyền nhân thuốc	200.000.000	-	-	200.000.000
- Phần mềm kế toán	145.680.800	579.232.500	-	724.913.300
Hao mòn lũy kế	287.372.468	61.315.740	-	348.688.208
- Bản quyền nhân thuốc	200.000.000	-	-	200.000.000
- Phần mềm kế toán	87.372.468	61.315.740	-	148.688.208
Giá trị còn lại	58.308.332			576.225.092
- Bản quyền nhân thuốc	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	58.308.332			576.225.092

7. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	31-12-2014	(j)	01-01-2014
Chi phí trả trước dài hạn	3.260.556.511		3.315.405.494
Cộng	3.260.556.511		3.315.405.494

(j) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
- Chi phí thuê đất (*)	3.184.802.586
- Chi phí CCDC chờ phân bổ	75.953.925
Cộng	3.260.556.511

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÀN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Tháng 9 năm 2008, Công ty tiến hành thuê đất và cơ sở hạ tầng của Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Càn Thơ để thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản". Tuy nhiên, đến nay, Dự án vẫn chưa được triển khai và cũng chưa có đơn xin gia hạn theo yêu cầu của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Càn Thơ tại Công văn số 320/BQL – ĐT ngày 02/11/2011. Hiện nay, Công ty đang tìm phương án kinh doanh khác để đầu tư xây dựng trên diện tích đất đã thuê này.

8. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Khoản mục	31-12-2014	01-01-2014
Vay và nợ ngắn hạn	27.284.287.688 (k)	39.175.301.091
Cộng	27.284.287.688	39.175.301.091

(k) Chi tiết số dư khoản vay ngắn hạn vào ngày 31/12/2014 như sau:

Ngân hàng	USD	Tương đương VND	VND	Tổng cộng
- Vietcombank, CN Càn Thơ	536.029,00	11.438.920.020	-	11.438.920.020
- VIB, CN Càn Thơ	119.400,00	2.551.697.400	-	2.551.697.400
- HSBC, CN Càn Thơ	622.042,50	13.293.670.268	-	13.293.670.268
Cộng	1.276.471,50	27.284.287.688	-	27.284.287.688

9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

Khoản mục	31-12-2014	01-01-2014
Phải trả người bán	1.578.548.382 (l)	2.566.525.617
Người mua trả tiền trước	65.767.993	218.831.614
Cộng	1.644.316.375	2.785.357.231

(l) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền
- Công ty CP Bao BI Tin Thành	211.329.800
- Công ty CP Công nghiệp DVTM Ngọc Nghĩa	197.263.836
- Công ty TNHH Công thương Hoa Mai	265.733.050
- Công ty TNHH SXTM Nhựa Cường Phát	144.274.900
- Công ty TNHH TMDVXNK Thành Mỹ	230.345.000
- Các nhà cung cấp khác	529.601.796
Cộng	1.578.548.382

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	31-12-2014	01-01-2014
- Thuế GTGT	219.235.388	448.033.617
- Thuế TNDN	1.239.880.166	2.184.983.817
- Thuế TNCN	5.820.800	5.904.800
Cộng	1.464.936.354	2.638.922.234

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí phải trả

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2014</u>		<u>01-01-2014</u>
- Chi phí phải trả	1.226.137.448	(m)	5.098.344.025
Cộng	1.226.137.448		5.098.344.025

(m) Chi tiết số dư chi phí phải trả vào ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Trích trước chi phí quà tặng khách hàng	155.119.418
- Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng	290.071.652
- Chi phí hoạt động của CN. Campuchia	660.155.712
- Chi phí phải trả khác	120.790.666
Cộng	1.226.137.448

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2014</u>		<u>01-01-2014</u>
- Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	2.659.934.167	(n)	369.622.890
Cộng	2.659.934.167		369.622.890

(n) Chi tiết số dư khoản phải trả khác vào ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- KPCĐ	56.943.840
- BHXH thành phố Cần Thơ	36.339.740
- Chiết khấu phải trả	1.993.508.363
- Thuế TNCN chờ quyết toán (cổ tức)	567.762.104
- Phải trả khác	5.380.120
Cộng	2.659.934.167

13. Phải trả dài hạn khác

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2014</u>		<u>01-01-2014</u>
- Các khoản phải trả dài hạn khác	680.000.000	(o)	680.000.000
Cộng	680.000.000		680.000.000

(o) Chi tiết số dư khoản phải trả dài hạn khác vào ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Nhận ký quỹ từ các đại lý	680.000.000
Cộng	680.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẬN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Vốn chủ sở hữu

(a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay*

Khoản mục	01/01/2014	Tăng	Giảm	31/12/2014
- Vốn đầu tư của CSH	43.030.500.000	-	-	43.030.500.000
- Thặng dư vốn cổ phần	8.291.518.300	-	-	8.291.518.300
- Vốn khác của CSH	10.861.176.032	1.400.000.000	-	12.261.176.032
- Cổ phiếu quỹ	-4.000.872.355	-	-	-4.000.872.355
- Quỹ đầu tư phát triển	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
- Quỹ dự phòng tài chính	4.303.050.000	-	-	4.303.050.000
- LN sau thuế chưa PP	16.894.982.673	11.284.051.484	11.801.476.709	16.377.557.448
Cộng	79.380.354.650	14.084.051.484	13.201.476.709	80.262.929.425

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: 221.600

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty TNHH TMDV Thanh Sơn Hóa Nông	710.010	7.100.100.000	16,50%
- Cổ đông khác	3.593.040	35.930.400.000	83,50%
Cộng	4.303.050	43.030.500.000	100,00%

(b) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	43.030.500.000	43.030.500.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	43.030.500.000	43.030.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.162.900.000	8.667.650.835

(c) *Cổ tức*

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Chưa công bố
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố*
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: chưa công bố*
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) *Cổ phiếu*

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.303.050	4.303.050
- Số lượng CP đã được PH và góp vốn đầy đủ	4.303.050	4.303.050
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	4.303.050	4.303.050
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	221.600	221.600
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	221.600	221.600
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.081.450	4.081.450
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	4.081.450	4.081.450
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẬN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thế hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

<i>Khoản mục</i>	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Doanh thu bán thành phẩm	195.162.573.018	159.881.345.820	35.281.227.198	18,08%
- Doanh thu bán hàng hóa	3.886.756.199	5.791.934.104	-2.105.177.905	-57,10%
- Doanh thu gia công	5.742.115.570	5.605.474.917	136.640.653	2,38%
- Doanh thu khác	4.823.220.360	2.628.058.972	2.195.161.388	45,51%
Cộng	209.414.665.147	173.906.813.813	35.507.851.334	16,96%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	981.676.772	1.159.226.331
- Lãi CLTG hối đoái	3.416.262.744	1.933.885.581
Cộng	4.397.939.516	3.093.111.912

3. Chi phí tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi tiền vay	1.960.093.470	1.390.373.636
- Lỗ CLTG hối đoái	4.238.604.365	2.680.929.169
Cộng	6.198.697.835	4.071.302.805

4. Chi phí bán hàng

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.720.235.159	3.748.744.344
- Chi phí đồ dùng	114.756.512	68.214.866
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.266.177.793	1.054.658.479
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.680.849.047	2.402.935.378
- Chi phí bằng tiền khác	2.427.105.959	3.524.559.488
Cộng	9.209.124.470	10.799.112.555

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.085.822.800	8.256.697.100
- Chi phí vật liệu quản lý	25.674.000	5.130.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	167.713.434	115.422.116
- Chi phí khấu hao TSCĐ	274.014.716	183.225.990
- Thuế, phí và lệ phí	253.700.187	343.225.843
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.288.965.026	1.199.274.800
- Chi phí bằng tiền khác	2.399.469.072	1.751.876.441
Cộng	12.495.359.235	11.854.852.290

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CÀN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu thanh lý tài sản cố định	874.545.453	863.545.454
- Xử lý hàng thừa kiểm kê	39.828.542	139.423.059
- Hoàn nhập chi phí trích thừa	1.400.000.000	-
- Được tài trợ bởi tổ chức Giz (xử lý rác)	-	631.047.600
- Thu khác	164.912.354	10.484.460
Cộng	2.479.286.349	1.644.500.573

7. Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Xử lý hàng thiếu kiểm kê	15.344.201	31.619.719
- Chi thanh lý tài sản cố định	180.110.509	-
- Chi phí khác	398.144	856.056
Cộng	195.852.854	32.475.775

8. Phân phối lợi nhuận

<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2014</i>	16.894.982.673
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014</i>	14.286.042.805
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	3.142.929.417
<i>Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2014</i>	11.143.113.388
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2012 theo BBQT Thuế</i>	140.938.096
<i>Chi các khoản nộp phạt</i>	77.741.300
<i>Trích quỹ ĐTPT từ lợi nhuận sau thuế năm 2013</i>	1.400.000.000
<i>Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	372.108.698
<i>Trích quỹ khen thưởng HĐQT và Ban kiểm soát</i>	510.981.369
<i>Trích Quỹ KTPL từ lợi nhuận sau thuế năm 2013</i>	1.000.000.000
<i>Chi thù lao HĐQT và BKS</i>	277.745.342
<i>Chia cổ tức năm 2013</i>	8.162.900.000
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2014</i>	16.377.557.448

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

2. Những thông tin về hoạt động liên tục: Công ty hoạt động liên tục trong tương lai
3. Thông tin về các bên liên quan: không có
4. Công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÀN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình tại Thuyết minh số V.9 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông Công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại mục IV của Thuyết minh báo cáo tài chính này.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong các lĩnh vực kinh doanh của Công ty, hoạt động xuất nhập khẩu chịu nhiều rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại hối. Công ty đã thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ngoại hối thông qua các biện pháp tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, lựa chọn thời điểm thích hợp mua và thanh toán các khoản ngoại tệ để cân bằng giữa rủi ro thanh toán và rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác.

5. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt.



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản lưu động/ Tổng số Tài sản	%	86,17	87,17
- Tài sản cố định/ Tổng số Tài sản	%	13,83	12,83
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,86	40,17
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	69,14	59,83
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,24	2,49
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,85	2,20
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,78	0,29
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	6,60	8,26
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	5,15	6,67
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	12,31	12,95
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	9,60	10,47
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	13,88	17,49

Cần Thơ, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

NGUYỄN DUY LINH

Kế toán trưởng

QUÁCH THỊ THÚY



Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN TRUNG